

CÔNG TY TNHH XNK THƯƠNG MẠI TÂN DƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XNK THƯƠNG MẠI TÂN DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109827447

3. Ngày thành lập: 22/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 35 Phố Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0828993399

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
7.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620(Chính)
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
23.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
24.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
25.	Trồng cây mía	0114
26.	Trồng cây lấy sợi	0116
27.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
28.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
29.	Trồng cây hàng năm khác	0119
30.	Trồng cây ăn quả	0121
31.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
32.	Trồng cây điều	0123
33.	Trồng cây hồ tiêu	0124
34.	Trồng cây cao su	0125
35.	Trồng cây cà phê	0126
36.	Trồng cây chè	0127
37.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
38.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
39.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
40.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
41.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
42.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
43.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
44.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
45.	Khai thác gỗ	0220
46.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
47.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
48.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
49.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
50.	Khai thác và thu gom than non	0520
51.	Khai thác quặng sắt	0710
52.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230

53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
54.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
55.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;	8559
56.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
57.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Kinh doanh trò chơi điện tử (Điều 35 Nghị định 103/2009/NĐ-CP; Điều 7- Nghị định 142/2018/NĐ-CP sửa đổi một số điều tại Nghị định 103/2009)	9329
58.	Lập trình máy vi tính	6201
59.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
60.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
61.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2020)	6810
62.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều, 74, 75 – Luật kinh doanh bất động sản 2020)	6820
63.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá và các loại nhà nước cấm)	7310
64.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động điều tra)	7320
65.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
66.	Cho thuê xe có động cơ	7710
67.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
68.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
69.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

70.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
71.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
72.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
73.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
74.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
75.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
76.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
77.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
78.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
79.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
80.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
81.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
82.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
83.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (loại trừ sản xuất vàng miếng)	2420
84.	Đúc sắt, thép	2431
85.	Đúc kim loại màu (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432
86.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
87.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
88.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
89.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách Du lịch bằng xe ô tô (Điều 4, điều 7, điều 8- Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
90.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9- Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
91.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
92.	Bốc xếp hàng hóa	5224
93.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
94.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

95.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
96.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
97.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
98.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
99.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
100.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
101.	Xây dựng nhà để ở	4101
102.	Xây dựng nhà không để ở	4102
103.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
104.	Xây dựng công trình điện	4221
105.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
106.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
107.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
108.	Xây dựng công trình thủy	4291
109.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
110.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
111.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
112.	Phá dỡ	4311
113.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
114.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
115.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
116.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
117.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
118.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
119.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
120.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	4759
121.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
122.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
123.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
124.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

125.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
126.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **GIANG SƠN CƯỜNG** Giới tính: *Nam*
Sinh ngày: *01/03/1979* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001079026746*
Ngày cấp: *16/01/2020* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*
Địa chỉ thường trú: *P108-B3 đường Nguyễn Quý Đức , Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *P108-B3 đường Nguyễn Quý Đức , Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **GIANG SƠN CƯỜNG** Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *01/03/1979* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001079026746*
Ngày cấp: *16/01/2020* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*
Địa chỉ thường trú: *P108-B3 đường Nguyễn Quý Đức , Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *P108-B3 đường Nguyễn Quý Đức , Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội